

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/HSST

Ngày: 17/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Phụng

Ông Bùi Văn Mão

-Thư ký phiên toà: Ông Bùi Đức Trung, Thư ký Toà án nhân dân thành phố N - tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh N tham gia phiên toà:
Ông Phạm Ngọc Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2024/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-HS ngày 02/7/2024 đối với bị cáo:

Đào Hồng N - Sinh năm: 1988. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Số 26, ngõ 9, đường P, phố 3, phường V, thành phố N, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 9/12 Nghề N1: Lao động tự do. Con ông Đào Ngọc Đ và bà Phạm Thị L. Vợ: Lê Thị Hồng Y. Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2024 đến ngày 09/01/2024 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh N. Có mặt.

Bị hại: Bà Đinh Thị N1, sinh năm 1967.

Trú tại: Số nhà 47, đường Vân Giang, phố 9, phường Vân Giang, thành phố N, tỉnh N. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Lê Thị Hồng Y, sinh năm 1991. Trú tại: Số 26, ngõ 9, đường P, phố 3, phường V, thành phố N, tỉnh N. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đào Hồng N là người không có nghề N1 ổn định. Khoảng 19 giờ ngày 04/01/2024, Đào Hồng N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 35B1-914.38 đi từ đường Lê Hồng Phong rẽ vào đường Vân Giang thuộc phố 1, phường Vân Giang, thành phố N, tỉnh N nhìn thấy bà Đinh Thị N1 đi xe đạp đang dừng ở dưới lòng đường bên cạnh ngân hàng Agribank chi nhánh N theo hướng ra

đường Lê Hồng Phong để nghe điện thoại nên N nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại của bà N1. Bị cáo N thấy đường vắng người liền điều khiển xe đi vòng lại đứng sau bà N1 khoảng 2-3 mét để quan sát. Khi thấy không có người, N điều khiển xe mô tô áp sát bên trái và nhanh chóng dùng tay trái giật chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A14 của bà N1 đang cầm trên tay trái rồi tăng ga bỏ chạy về hướng đường Lê Hồng Phong và đi vòng quanh các tuY đường khu vực phường Vân Giang, thành phố N rồi đi về nhà. Sau khi cướp giật được chiếc điện thoại, N tháo 02 sim trong máy gồm sim số thuê bao 0914876877 và sim số thuê bao 0393742324 vứt đi, sau đó N mở được máy và chạy lại máy để sử dụng cho bản thân.

Sau khi bị cướp giật tài sản, bà Đinh Thị N1 có đơn trình báo lên Công an phường Vân Giang, thành phố N. Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N tiến hành triệu tập Đào Hồng N để làm việc. Tại cơ quan điều tra, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự giác giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A14, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 35B1-914.38.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 11/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố N, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A14, màu đen có giá trị 2.600.000 đồng.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A14, màu đen thu giữ của của Đào Hồng N, đây là tài sản do Đào Hồng N cướp giật của bà Đinh Thị N1. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc điện thoại di động trên cho bà Đinh Thị N1, bà N1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề N gì.

Đối với 02 chiếc sim điện thoại số 0393.742.324 và sim số 0914.876.877, quá trình điều tra xác định đây là tài sản do Đào Hồng N cướp giật của bà Đinh Thị N1. Sau khi thực hiện hành vi cướp giật, N đã vứt đi 02 chiếc sim trên đường về nhà, không xác định được ở đâu nên không có căn cứ thu hồi. Đối với 02 chiếc sim trên, bà N1 không yêu cầu, đề N gì N phải trả lại do vậy không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 35B1 – 914.38 thu giữ của Đào Hồng N là vật chứng của vụ án được chuyển đến Chi cục thi hành dân sự thành phố N để giải quyết cùng vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 91/CT-VKSNDTPNB ngày 12/6/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Đào Hồng N về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề N: Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Đào Hồng N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 đề N xử phạt bị cáo Đào Hồng N từ 39 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 06/01/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho chị Lê Thị Hồng Y chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 35B1 – 914.38, đăng ký xe

mang tên Lê Thị Hồng Y. Bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và đề N Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội:

Khoảng 19 giờ ngày 04/01/2024, tại khu vực đường Vân Giang thuộc phố 1, phường Vân Giang, thành phố N, Đào Hồng N có hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A14, màu đen của bà Đinh Thị N1 khi đang dừng xe đạp để nghe điện thoại, chiếc điện thoại có giá trị là 2.600.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản sao trích dữ liệu camera và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Đối chiếu với quy định của pháp luật, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đào Hồng N dùng phương tiện xe mô tô giật tài sản của người đang điều khiển phương tiện cơ giới là phạm tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “*dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

Điều 171. Tội Cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

.....
d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được Luật hình sự bảo vệ và có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị chiếm đoạt tài sản khi đang điều khiển phương tiện cơ giới. Về tình tiết tăng nặng: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, đã giao nộp tài sản chiếm đoạt, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo bị cáo có bố để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Từ các phân tích trên, xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù tương xứng cách ly với xã hội để bị cáo có điều kiện cải tạo thành công dân có ích đồng thời cũng nhằm giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung. Về hình phạt tiền bổ sung: do bị cáo không có nghề N1 thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có đề nghị nên vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 35B1 – 914.38 thu giữ của Đào Hồng N, đăng ký xe mang tên chị Lê Thị Hồng Y (chị Y là vợ của bị cáo). Chị Y khai đây là chiếc xe chị mua từ năm 2015, là tài sản riêng của chị do chị là lao động chính trong gia đình; chiếc xe là phương tiện phục vụ cho chị đi lại làm việc và đưa con đi học; việc bị cáo N (chồng chị) sử dụng chiếc xe đi cướp giật chị không biết. Chị Y có đơn xin lại chiếc xe. Hội đồng xét thấy cần trả lại chiếc xe nói trên cho chị Y là phù hợp với pháp luật.

[3]. Các vấn đề khác.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Đào Hồng N phạm tội "**Cướp giật tài sản**".

Xử phạt Đào Hồng N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho chị Lê Thị Hồng Y chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 35B1 – 914.38 đăng ký xe mang tên chị Lê Thị Hồng Y (*Vật chứng có đặc điểm theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa Công an Thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đào Hồng N phải nộp 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N
- VKSND thành phố N
- Công an thành phố N
- Chi cục THA. DS thành phố N
- Thi hành án HS
- Bị cáo
- Người bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Thủy

